CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Khoáng sản Bình Định

Ngày 31/12/2025	14,750 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.4%	-	-

DT thuần
Q4/25
29.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.90| -25.0%
YoY: ▼30.6| -50.7%

LN thuần
Q4/25
3.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.28| -42.1%
YoY: ▼6.87| -68.7%

LN sau thuế
Q4/25
2.58
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.68| -39.4%
YoY: ▼5.33| -67.3%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
12.2%
YoY: +/-▼ 4.2%

ROE
2025
4.6%
YoY: +/-▼ 6.4%

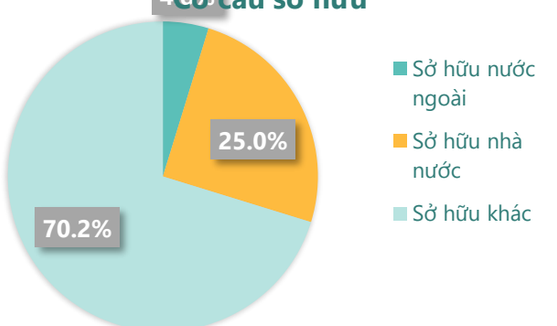
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,750 - 30,413
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	183
Số lượng CPLH (CP)	12,392,630
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,440
Sở hữu nước ngoài	4.8%
Beta	0.42
EPS	857
P/E	17.2

DT thuần
2025
108
tỷ VNĐ
YoY: ▼87.0| -44.6%

LN thuần
2025
13.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼18.9| -58.8%

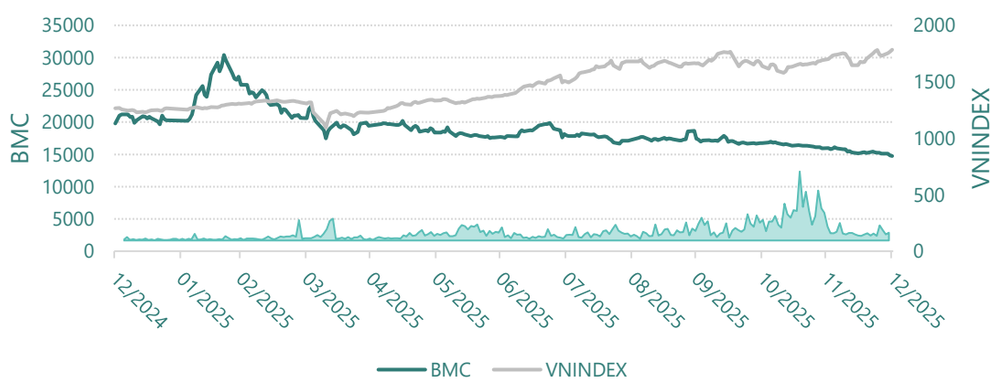
LN sau thuế
2025
10.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.9| -58.4%

Cơ cấu sở hữu

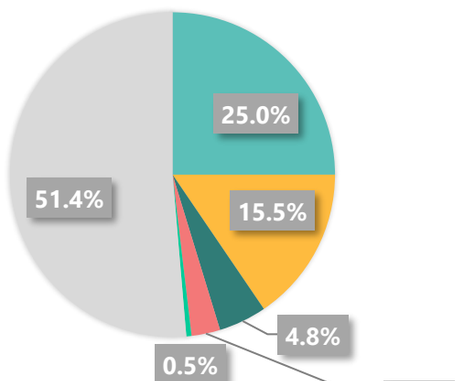


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



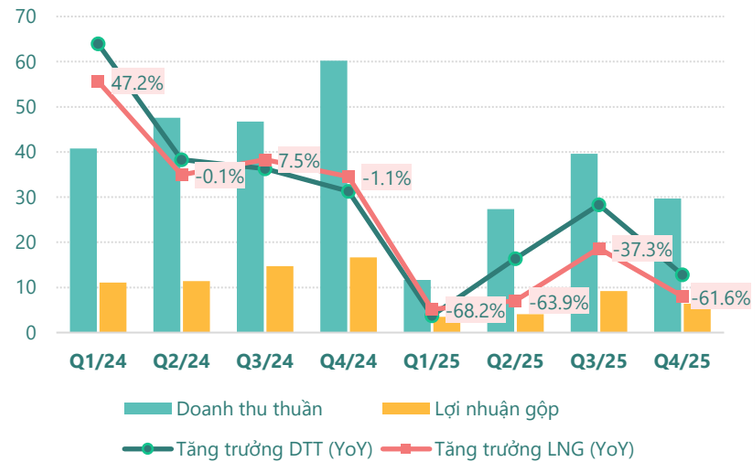
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

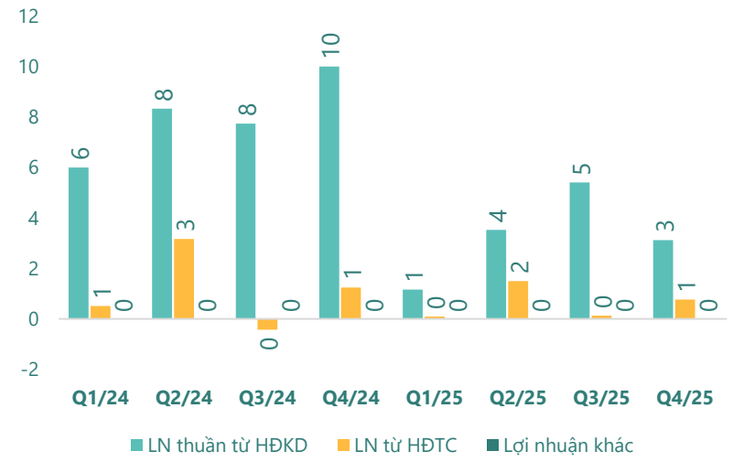
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



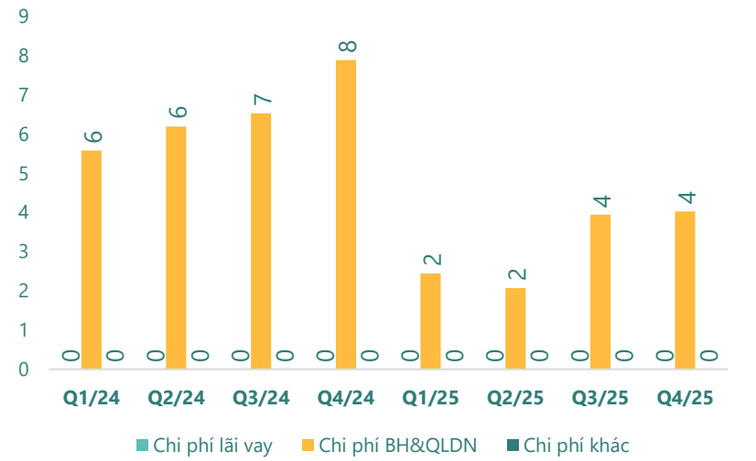
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



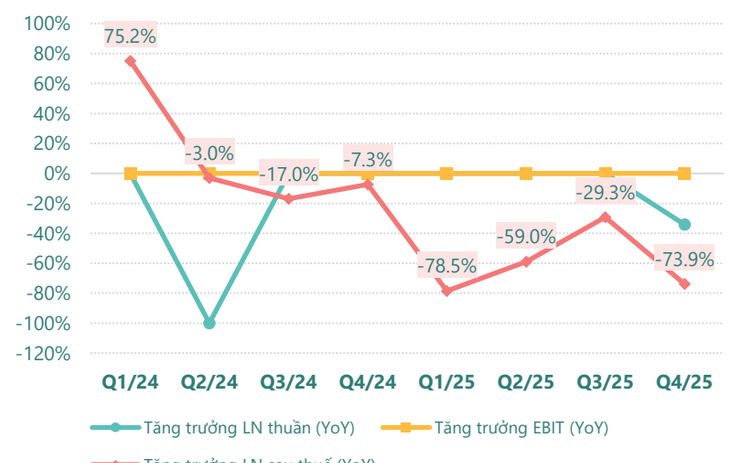
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



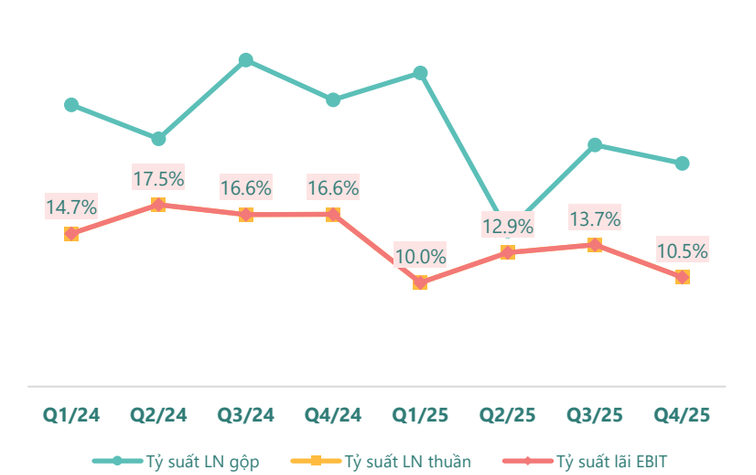
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



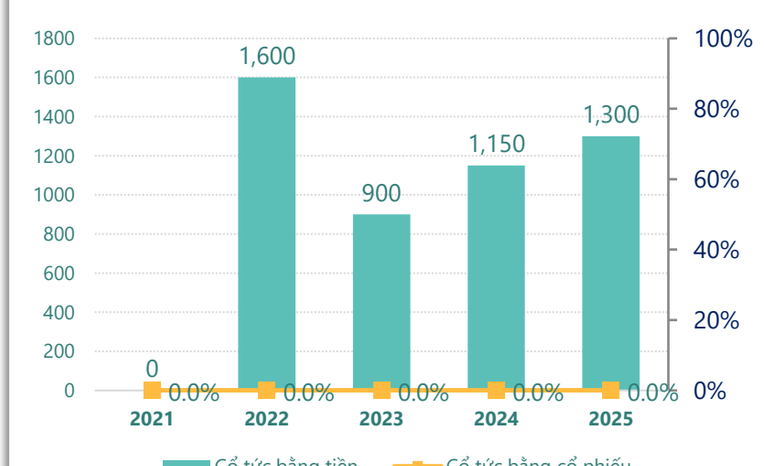
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

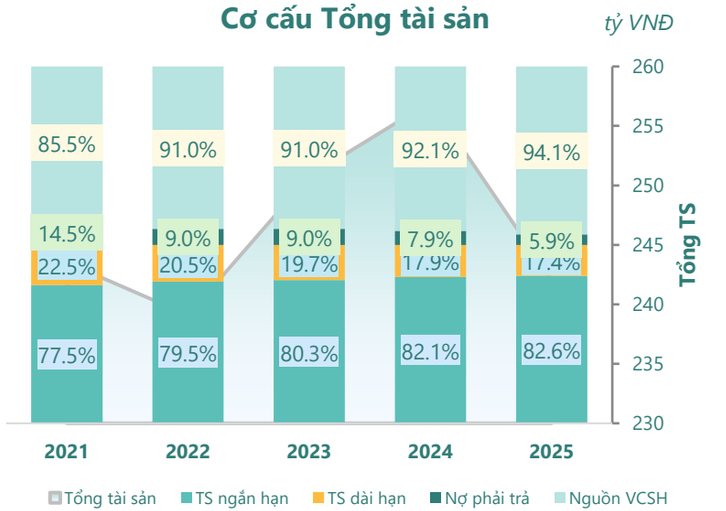
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

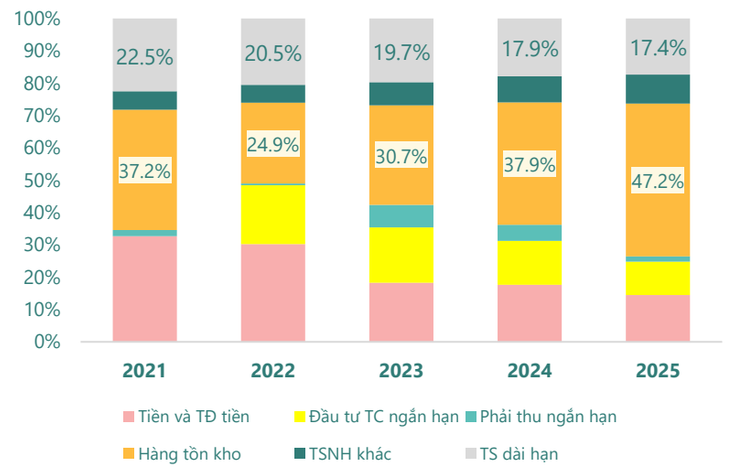
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



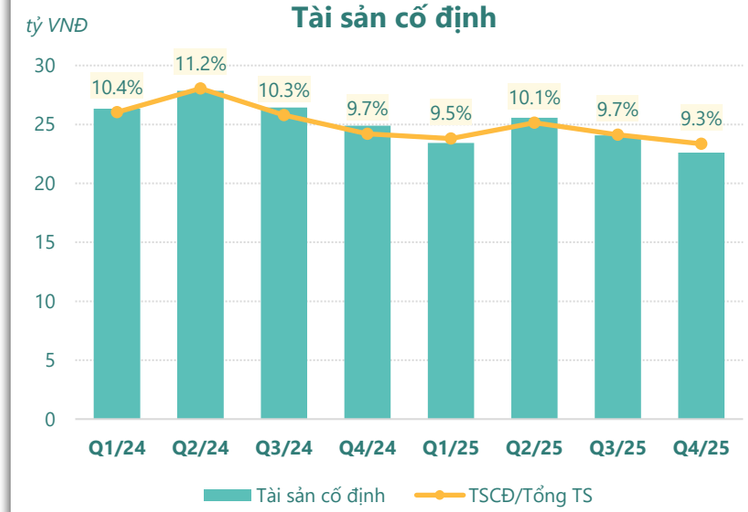
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



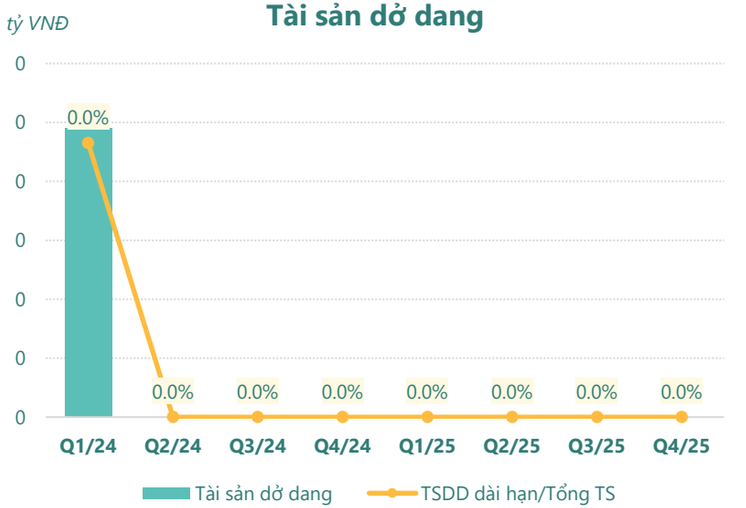
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



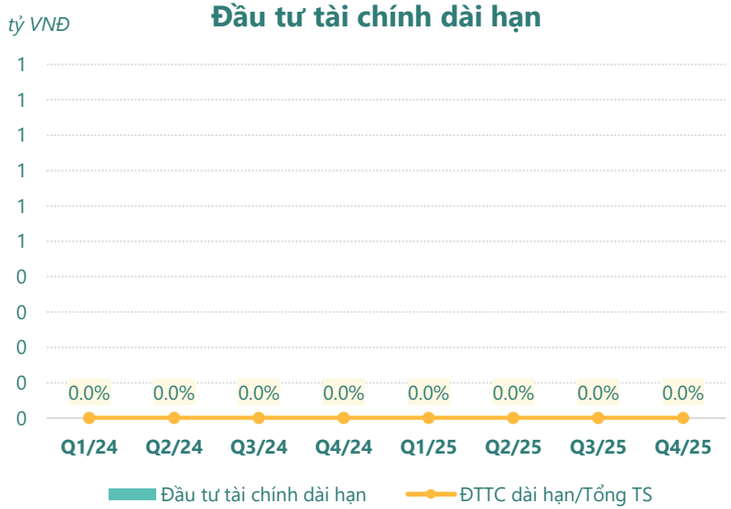
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



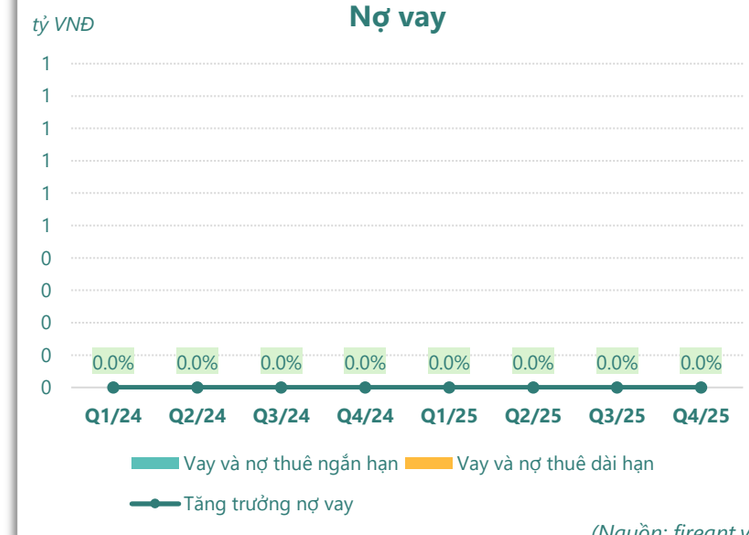
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

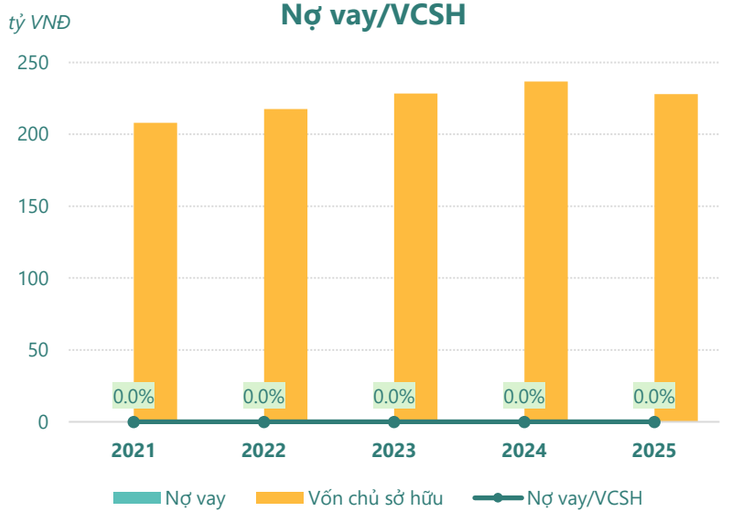
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

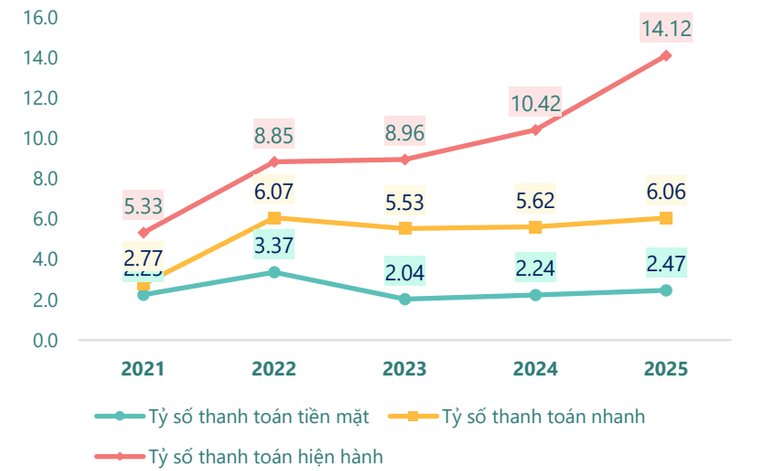
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



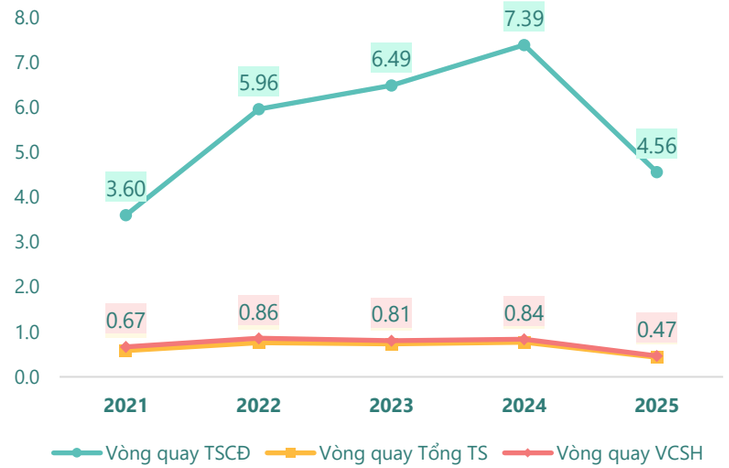
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



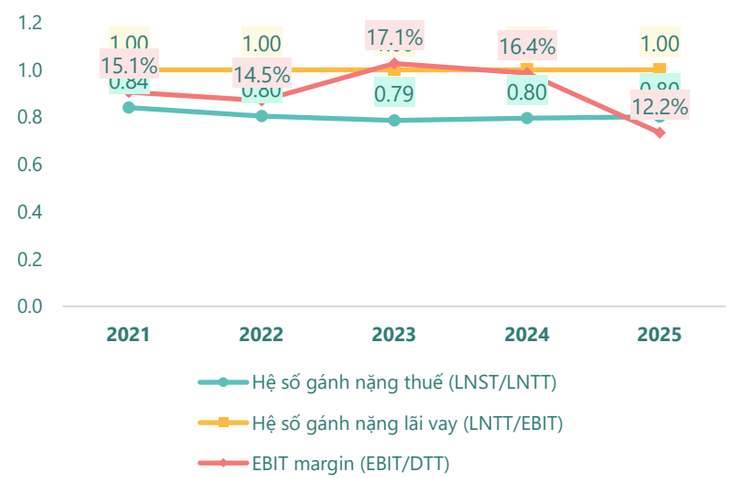
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



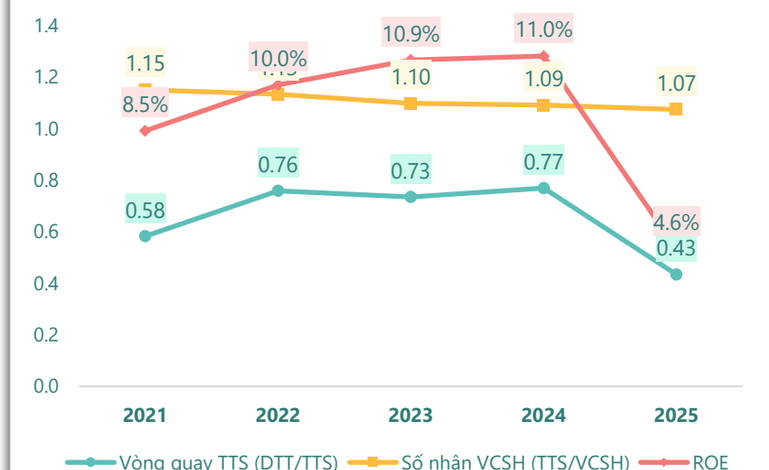
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



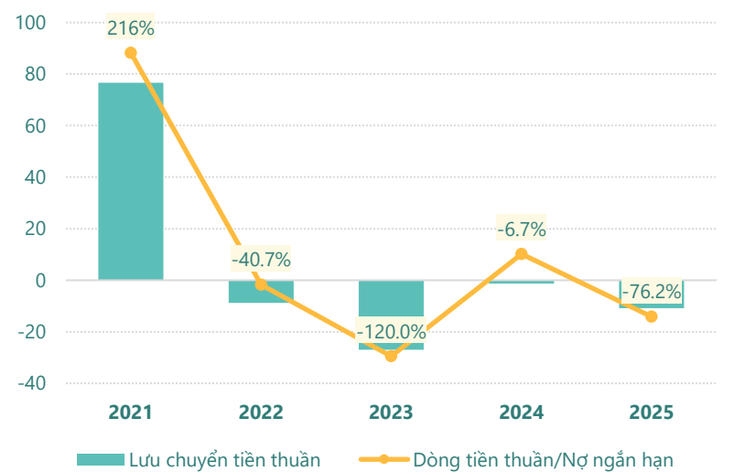
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**29.7**	**60.3**	**-50.7%**	**108**	**195**	**-44.6%**
Giá vốn hàng bán	23.3	43.6	-46.5%	85.0	142	-39.9%
Lợi nhuận gộp	6.40	16.7	-61.7%	23.2	53.8	-56.8%
Doanh thu HĐTC	0.78	1.39	-44.2%	2.50	5.08	-50.8%
Chi phí TC	0.01	0.15	-92.9%	0.01	0.58	-98.2%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.11	1.87	-40.9%	3.63	6.66	-45.4%
Chi phí QLDN	**2.92**	**6.02**	**-51.4%**	**8.85**	**19.5**	**-54.7%**
LN thuần từ HĐKD	3.13	10.0	-68.7%	13.2	32.1	-58.8%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**	**0.00**	**-34.1%**
LN trước thuế	3.13	10.0	-68.7%	13.2	32.1	-58.8%
Lợi nhuận sau thuế	**2.58**	**7.91**	**-67.3%**	**10.6**	**25.5**	**-58.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.58**	**7.91**	**-67.3%**	**10.6**	**25.5**	**-58.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.04	-5.69	-14.9	-0.51	14.3	8.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.31	9.34	0.00	-3.60	0.00	1.49
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	-16.1	0
Tiền đầu kỳ	41.6	41.4	45.4	30.5	26.8	25.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.27**	**3.66**	**-14.9**	**-4.11**	**-1.81**	**9.99**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.32	0	0.42	0	0.02
Tiền cuối kỳ	41.4	45.4	30.5	26.8	25.0	35.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**242**	**257**	**-5.8%**
Tài sản ngắn hạn	200	211	-5.2%
Tiền và tương đương tiền	35.0	45.4	-22.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.0	35.0	-28.6%
Phải thu ngắn hạn	4.08	12.7	-68.0%
Hàng tồn kho	114	97.3	17.4%
Tài sản ngắn hạn khác	21.8	20.6	5.4%
Tài sản dài hạn	**42.1**	**46.0**	**-8.5%**
Phải thu dài hạn	7.93	7.93	0.0%
Tài sản cố định	22.6	24.9	-9.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**11.5**	**13.2**	**-12.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14.2	20.2	-30.0%
Nợ ngắn hạn	**14.2**	**20.2**	**-30.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0.83	-100%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**228**	**237**	**-3.8%**
Vốn chủ sở hữu	**228**	**237**	**-3.8%**
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)